

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của UBND huyện Hón Quản)

Dvt: Nghìn đồng

Stt	Nội dung	Dự toán điều chỉnh năm 2025	Trong đó												
			An Phú	Tân Lợi	An Khương	Tân Hưng	Thanh An	Phước An	Thanh Bình	Tân Khai	Đồng Nơ	Minh Đức	Tân Hiệp	Minh Tâm	Tân Quan
Tổng thu NSNN trên địa bàn		11.992.000	558.000	615.000	1.685.000	1.534.000	1.235.000	565.000	245.000	2.840.000	825.000	310.000	510.000	500.000	570.000
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	11.992.000	558.000	615.000	1.685.000	1.534.000	1.235.000	565.000	245.000	2.840.000	825.000	310.000	510.000	500.000	570.000
1	Thuế GTGT	3.635.000	35.000	50.000	1.000.000	45.000	400.000	40.000	90.000	1.400.000	110.000	45.000	140.000	210.000	70.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400.000	3.000	55.000	30.000	24.000	15.000	3.000	20.000	100.000	40.000	5.000	50.000	40.000	15.000
3	Lệ phí trước bạ nhà đất	6.632.000	500.000	350.000	500.000	1.400.000	700.000	472.000	105.000	1.000.000	570.000	200.000	285.000	150.000	400.000
4	Thu phí, lệ phí	520.000	10.000	60.000	35.000	35.000	70.000	15.000	20.000	170.000	25.000	10.000	25.000	30.000	15.000
	<i>Trong đó: - Phí môn bài</i>	<i>280.000</i>	<i>7.000</i>	<i>12.000</i>	<i>10.000</i>	<i>15.000</i>	<i>50.000</i>	<i>7.000</i>	<i>10.000</i>	<i>110.000</i>	<i>15.000</i>	<i>7.000</i>	<i>17.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
	<i>- Phí, lệ phí khác</i>	<i>240.000</i>	<i>3.000</i>	<i>48.000</i>	<i>25.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>8.000</i>	<i>10.000</i>	<i>60.000</i>	<i>10.000</i>	<i>3.000</i>	<i>8.000</i>	<i>20.000</i>	<i>5.000</i>
5	Thu khác	805.000	10.000	100.000	120.000	30.000	50.000	35.000	10.000	170.000	80.000	50.000	10.000	70.000	70.000
	<i>Trong đó: - Thu phạt</i>	<i>705.000</i>	<i>10.000</i>	<i>100.000</i>	<i>120.000</i>	<i>30.000</i>	<i>50.000</i>	<i>35.000</i>	<i>10.000</i>	<i>70.000</i>	<i>80.000</i>	<i>50.000</i>	<i>10.000</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>
	<i>- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</i>	<i>100.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>100.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
B	Các khoản thu được để lại QL qua NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng thu NSDP		200.946.883	16.839.146	24.705.041	12.050.525	15.673.751	17.796.383	14.201.208	10.185.717	13.875.105	12.001.366	20.517.552	12.377.974	18.884.606	11.838.511
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	200.946.883	16.839.146	24.705.041	12.050.525	15.673.751	17.796.383	14.201.208	10.185.717	13.875.105	12.001.366	20.517.552	12.377.974	18.884.606	11.838.511
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	11.992.000	558.000	615.000	1.685.000	1.534.000	1.235.000	565.000	245.000	2.840.000	825.000	310.000	510.000	500.000	570.000

Stt	Nội dung	Dự toán điều chỉnh năm 2025	Trong đó												
			An Phú	Tân Lợi	An Khương	Tân Hưng	Thanh An	Phước An	Thanh Bình	Tân Khai	Đồng Nơ	Minh Đức	Tân Hiệp	Minh Tâm	Tân Quan
	<i>Trong đó: - Các khoản thu hưởng 100%</i>	1.325.000	20.000	160.000	155.000	65.000	120.000	50.000	30.000	340.000	105.000	60.000	35.000	100.000	85.000
	<i>- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)</i>	10.667.000	538.000	455.000	1.530.000	1.469.000	1.115.000	515.000	215.000	2.500.000	720.000	250.000	475.000	400.000	485.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	171.350.378	15.401.277	22.206.839	9.211.390	12.379.840	14.398.721	12.504.771	8.936.758	10.393.838	10.361.364	17.182.938	11.073.067	17.225.751	10.073.826
*	<i>Bổ sung cân đối</i>	127.640.406	9.722.073	10.216.466	8.043.869	11.192.147	10.529.732	11.738.669	8.408.750	8.743.973	8.938.333	8.396.721	10.286.591	11.714.971	9.708.113
*	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	43.709.972	5.679.204	11.990.373	1.167.521	1.187.693	3.868.989	766.102	528.008	1.649.865	1.423.031	8.786.217	786.476	5.510.780	365.713
	- Kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2025	6.081.275	295.048	516.112	368.868	785.923	473.099	462.597	447.847	1.532.761	334.663	203.438	251.464	130.888	278.567
	- Vốn tất toán công trình từ nguồn vốn tỉnh phân cấp	7.238.000	201.000	1.286.000	677.000		1.878.000	103.000				2.463.000	441.000	189.000	
	- Vốn phân cấp cho xã xây dựng các công trình từ nguồn vốn tăng thu sử dụng đất	5.000.000	-	4.000.000							1.000.000				
	- Kinh phí khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ năm 2024	1.170.697	84.156	98.261	91.653	94.770	105.890	80.505	80.161	87.104	88.368	86.779	94.012	91.892	87.146
	- Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2025	23.350.000	5.099.000	6.000.000	-	307.000	812.000	-	-	-	-	6.033.000	-	5.099.000	-
	- Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2025 (đợt 1)	270.000	-	90.000	30.000	-	-	120.000	-	30.000					
	- Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2025	600.000					600.000								
3	Thu kết dư ngân sách	14.430.227	553.283	1.759.587	908.735	1.221.882	2.084.131	870.601	758.959	641.267	815.002	2.825.723	675.371	382.775	932.911
4	Thu chuyển nguồn	3.174.278	326.586	123.615	245.400	538.029	78.531	260.836	245.000	-	-	198.891	119.536	776.080	261.774
B	Các khoản thu được để lại QL qua NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-